

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội
và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-KĐCLGDTL ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 19 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 06 chương trình đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 19 ngày 26 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 48 tiêu chí (chiếm 96%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học cho Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH KHxHNV, ĐHQGHN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,3	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	5			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100
Tiêu chí 6.1	5			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chuẩn 9		4,40	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,12	48	96



Phụ lục II

Kiến nghị cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

*(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Nhật Bản học trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định bao gồm các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của người học khi tốt nghiệp. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được công bố công khai trên trang điện tử của Trường, của Khoa, trong Sổ tay sinh viên và các hình thức khác.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung cơ bản cần thiết, cập nhật số tín chỉ và tên học phần được điều chỉnh cũng như bảng ma trận kết nối chuẩn đầu ra với các học phần trong CTĐT. Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT có các thông tin cơ bản cần thiết, được rà soát cập nhật bổ sung. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học của CTĐT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các văn bản hướng dẫn Trường, được thiết dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT. chương trình dạy học có cấu trúc hợp lý, thể hiện sự gắn kết logic và liên mạch giữa các học phần khối giáo dục đại cương, khối các học phần thuộc lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và ngành, được bố trí hợp lý trong 8 học kỳ với trình tự phù hợp.

4. Triết lý giáo dục “Giáo dục khai phóng” được tuyên bố rõ ràng, có văn bản chính thức, được công khai và được phổ biến tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTĐT khá đa dạng, phong phú, phù hợp, hướng tới đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Hệ thống các phương pháp dạy và học được sử dụng linh hoạt, phù hợp; gắn với thực hành, thực tập thực tế, thực tập tốt nghiệp, tiểu luận cuối học phần, khóa luận tốt nghiệp. Các hoạt động dạy và học đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm hướng đến việc đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT, cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. giảng viên và người học, người học đã tốt nghiệp hài lòng với hoạt động dạy và học.

5. Quy trình, quy định và kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của

người học được thực hiện theo quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội và quy định riêng của Trường, được thông báo rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học mỗi học kỳ và năm học. Thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, cơ chế phúc khảo và các nội dung khác liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng, được thông báo cho sinh viên vào các buổi học đầu tiên của mỗi học phần hoặc tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, qua cố vấn học tập, trợ lý phụ trách công tác sinh viên. Các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập đa dạng, được quy định trong các đề cương học phần. Quy trình coi thi, chấm thi chặt chẽ đảm bảo tính công bằng. Sinh viên được phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập kịp thời đúng quy định. Trường có phần mềm hướng dẫn đăng ký và chấm phúc khảo và lồng ghép trong các quy trình về kiểm tra đánh giá, được công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và người học.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch, phát triển dựa trên Chiến lược phát triển của Trường và của Khoa, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định, được giám sát chặt chẽ làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại hàng năm. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng. Kết quả đánh giá được công bố công khai. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; có nhiều bài báo công bố trên các tạp chí Quốc tế, quốc gia và báo cáo khoa học công bố trong kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

7. Nhu cầu đội ngũ nhân viên phục vụ được dự báo trong Chiến lược phát triển Trường và phát triển theo đề án vị trí việc làm, xác định rõ số lượng đội ngũ chuyên viên, nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Trường/Khoa. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chuyên viên, nhân viên được xác định rõ ràng, được phổ biến công khai. Năng lực đội ngũ chuyên viên, nhân viên được xác định và đánh giá hàng năm. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên được xác định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng và thực hiện. Hoạt động đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm. Đội ngũ nhân viên tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh đa dạng với các kênh truyền tải đến nhiều bên liên quan. Kết quả tuyển sinh ổn định, đủ chỉ tiêu và điểm xét tuyển khá cao. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng và được rà soát, đánh giá hằng năm. Hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học được xác định rõ ràng, phân công cụ thể. Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm cho người học có sự phân công trách nhiệm rõ ràng. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học đa dạng, thiết thực và được đồng đạo người học tham gia. Môi trường tâm lý, văn hoá, học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học

và thực hiện khá nhiều giải pháp đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Nhà trường có đủ hệ thống giảng đường, phòng làm việc và các phòng chức năng, đặc biệt là phòng họp trực tuyến và phòng học thông minh, cùng các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trung tâm Thư viện - Tri thức số Đại học Quốc gia Hà Nội và phòng tư liệu của Khoa cung cấp đầy đủ học liệu cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu của CTĐT. Trường có đủ phòng thực hành máy tính, phòng thực hành ngoại ngữ, với trang thiết bị cơ bản để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu cho CTĐT. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, phát triển mạnh để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Môi trường, sức khỏe và an toàn được quy định rõ ràng có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập với sự tham gia của các đơn vị có liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà soát đánh giá và cải tiến. Giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện CTĐT có một số kết quả nghiên cứu khoa học, bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định rõ ràng, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến rõ rệt.

11. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, được xác lập, giám sát, đánh giá. Nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học được phân tích làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên của CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp được xây dựng và cập nhật. Loại hình và số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên được thiết lập, giám sát, đánh giá. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ được triển khai.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT, xác định rõ CTĐT theo định hướng nghiên cứu hay ứng dụng; rà soát chuẩn đầu ra, tích hợp, giảm bớt số lượng chuẩn đầu ra, diễn tả chuẩn đầu ra một cách cô đọng và bằng các động từ phù hợp đảm bảo nguyên tắc đo lường, đánh giá được; đối sánh chuẩn đầu ra với các CTĐT tương đương khác ở trong và ngoài nước để có thêm cơ sở cải tiến; khai thác và đánh

giá hiệu quả, đầy đủ các ý kiến góp ý của các bên liên quan khi chỉnh sửa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; tổ chức các hội nghị/tọa đàm, tập huấn chuyên sâu về điều chỉnh các chuẩn đầu ra của CTĐT, về cách phát biểu chuẩn đầu ra cấp CTĐT và cấp học phần.

2. Rà soát bản mô tả CTĐT, phân nhiệm lại chuẩn đầu ra cho các học phần; chú giải thang đo 5 mức độ được dùng trong ma trận trình bày trong bản mô tả CTĐT; tích hợp các chuẩn đầu ra của học phần để giảm số lượng chuẩn đầu ra học phần và chỉ thể hiện thực sự kết quả đầu ra mà người học lĩnh hội được khi hoàn thành học phần; bổ sung hướng dẫn tự học trong đề cương chi tiết các học phần; khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về sự thuận lợi, dễ dàng tiếp cận bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần đối với các bên liên quan để có cơ sở cải tiến.

3. Rà soát lại hệ thống văn bản hướng dẫn thiết kế, phát triển CTĐT nói chung và chương trình dạy học nói riêng; hướng dẫn chọn lọc tổ hợp phương pháp dạy và học và kiểm tra đánh giá phù hợp với từng nhóm/loại chuẩn đầu ra khác nhau theo từng cấp độ; phân nhiệm chính xác, cân đối và hợp lý các chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần; rà soát sự đóng góp đầy đủ, chính xác của mỗi chuẩn đầu ra học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; bổ sung bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp dạy và học và kiểm tra đánh giá với từng chuẩn đầu ra của đề cương học phần và CTĐT trong các đề cương học phần; định kỳ phân tích, đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của tổ hợp các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với việc đạt từng nhóm chuẩn đầu ra khác nhau để liên tục cải tiến.

4. Giải thích chi tiết nội hàm của triết lý giáo dục “Giáo dục khai phóng” cho các bên liên quan; tổ chức thường xuyên các hội thảo, tọa đàm về cách thức lồng ghép triết lý giáo dục vào hoạt động giảng dạy và học tập; xây dựng và ban hành kế hoạch cụ thể triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, hoạt động dạy và học dựa trên kết quả khảo sát các bên liên quan định kỳ hàng năm và triển khai đồng bộ nhằm đạt được chuẩn đầu ra; bổ sung hướng dẫn người học tự học; phương pháp giám sát, đánh giá giờ tự học, tự nghiên cứu trong đề cương học phần.

5. Xây dựng hướng dẫn chi tiết về kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra và cách thức xây dựng ma trận đề thi; tập huấn chuyên sâu cho giảng viên về phương pháp kiểm tra đánh giá, xây dựng, lồng ghép rubrics trong đề cương học phần của CTĐT; định kỳ tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần, phân tích kết quả học tập của người học/phổ điểm sau các đợt kiểm tra đánh giá để có cơ sở cải tiến; xây dựng và ban hành quy trình đánh giá, phê duyệt đề thi, đề tài tiểu luận; quy định cụ thể về việc phản hồi của người học đối với kiểm tra giữa kỳ, đánh giá quá trình, định kỳ trao đổi, lấy ý kiến cụ thể của người học và giảng viên về việc công bố kết quả học tập, cơ chế, quy trình khiếu nại, phúc khảo để có cơ sở cải tiến; quy định chính thức cho người học biết đáp án bài thi cuối kỳ hoặc được gặp giảng viên để được biết nhận xét về các bài tiểu luận cuối kỳ/bài chấm phúc khảo khi sinh viên có nhu cầu.

6. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ gắn với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; ban hành bộ tiêu chí đánh

giá năng lực đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên để tạo động lực cho giảng viên; xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) để quản trị, đánh giá giảng viên/nghiên cứu viên thông qua kết quả các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tăng cường bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng thông qua các nội dung đã thực hiện; phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để xác định mức độ đáp ứng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ dựa trên giải pháp đề cập trong Chiến lược phát triển Trường; thực hiện đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học làm căn cứ xây dựng chiến lược, chính sách phát triển khoa học công nghệ của Trường.

7. Tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển của Trường làm cơ sở điều chỉnh số lượng nhân viên cho phù hợp với thực tế và đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 - 2026 của Trường; tổ chức đánh giá sự phù hợp giữa các năng lực của vị trí việc làm của các nhân viên với thực tế thực hiện nhiệm vụ và xây dựng các KPIs cho từng vị trí việc làm của đội ngũ chuyên viên, nhân viên; khảo sát lấy ý kiến giảng viên đánh giá về chất lượng và thái độ của đội ngũ chuyên viên, nhân viên và lấy ý kiến đội ngũ chuyên viên, nhân viên về thực hiện quy định/quy trình đánh giá đội ngũ chuyên viên, nhân viên; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo từng vị trí việc làm của đội ngũ chuyên viên, nhân viên làm cơ sở cải tiến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp.

8. Chú trọng thu thập sự góp ý của các bên liên quan bên ngoài Trường về các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học để có sự điều chỉnh phù hợp hơn; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo giúp cho công tác theo dõi theo dõi sự tiến bộ của người học được hiệu quả hơn; tổ chức hội nghị/hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học để có giải pháp nâng cao hiệu quả cho các hoạt động này; rà soát, điều chỉnh và ban hành chính thức các bộ quy tắc ứng xử, quy tắc văn hoá để cán bộ, giảng viên và người học chủ động hơn trong việc thực hiện; nghiên cứu, bố trí thêm vườn hoa, cây cảnh, không gian dành cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, các hoạt động văn hoá, thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên và khu vực để xe hợp lý.

9. Rà soát mức độ đáp ứng về diện tích và trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đầu tư mua bản quyền và chuyển đổi tài liệu về dạng số; rà soát, đánh giá mức độ sử dụng thiết bị thực hành theo Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ và liên thông toàn diện với dữ liệu Đại học Quốc gia Hà Nội; xây dựng phần mềm quản trị đại học số đảm bảo tính tổng thể, tích hợp, kế thừa, có khả năng chuyển đổi, an toàn, bảo mật, hợp lý và hiệu quả; ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn; tổ chức khảo sát người học và các bên liên quan về việc thực hiện bộ tiêu chuẩn này.

10. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của các vị trí việc làm tại nơi sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và

phát triển CTĐT và chương trình dạy học; xây dựng quy trình, hướng dẫn cụ thể hoạt động thiết kế, phát triển đề cương chi tiết các học phần và chương trình dạy học, hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả ma trận chuẩn đầu ra và các học phần của chương trình dạy học trong việc xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung học tập, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; tổ chức phân tích, đánh giá đề thi; phân tích đánh giá phổ điểm và mối tương quan giữa kết quả kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu khoa học; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu của CTĐT và nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học của chính CTĐT đang được tổ chức đào tạo tại Trường; bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin; tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; xác định vị trí, vai trò, chức năng của Hội đồng bảo đảm chất lượng, thể hiện trong cơ cấu tổ chức của Trường để tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học; xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; có giải pháp cụ thể, phù hợp để lựa chọn một số cơ sở giáo dục cho hoạt động đối sánh về tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học cùng ngành đào tạo, kết quả đối sánh được sử dụng để cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của người học; sử dụng kết quả đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực này, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Nhật Bản học, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.